

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HS-ST
Ngày 16/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Thanh H**
2. Bà **Nguyễn Thị Ch**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Lê Hiền B** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu B** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2023/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 40/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023, đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Vũ Thị Thanh V (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; sinh năm 2001 tại tỉnh G; nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Không; con ông Vũ Văn T, sinh năm 1979 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1980. Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G; Bị cáo có 04 chị em, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2016, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Chồng: Văn T, sinh năm 1989 (hiện đang chấp hành án tại Trại giam G, huyện M, tỉnh G); bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021. Hiện các con bị cáo trú tại: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: Nguyễn Thị N (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; sinh năm 2001 tại tỉnh G; nơi cư trú: Thôn CV, xã K, huyện Đ, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1977 và bà Hồ Thị Th, sinh năm 1979. Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn CV, xã K, huyện Đ, tỉnh G; Bị cáo có 02 người e gái sinh năm 2014 và 2015; Chồng: Trần Ngọc T, sinh năm 2000 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020. Hiện chồng con bị cáo trú tại: Thôn CV, xã K, huyện Đ, tỉnh G; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ ba: Nguyễn Thị Th (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; sinh năm 1997 tại tỉnh G; nơi cư trú: Thôn CV, xã K, huyện Đ, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông

Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1975 và bà Lê Thị H, sinh năm 1978. Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn CV, xã K, huyện Đ, tỉnh G; Bị cáo có 01 người e trai sinh năm 2007; Chồng: Vi Văn M, sinh năm 1997 (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018. Hiện các con bị cáo trú tại: Thôn CV, xã K, huyện Đ, tỉnh G; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 2001. Trú tại: Thôn CV, xã K, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

2/ Anh **Trần Ngọc T**, sinh năm 2000. Trú tại: Thôn CV, xã K, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

3/ Bà **Phan Thị L**, sinh năm 1980. Trú tại: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 25/02/2023, một nam thanh niên có tên facebook “*Trực*” (không rõ nhân thân, lai lịch) nhắn tin qua ứng dụng Facebook cho Vũ Thị Thanh V với nội dung “*Lên đây chơi đi*” tức muốn rủ V lên sử dụng ma túy. V nhắn tin trả lời “*Em lên anh cho em một ít về sử dụng, chứ em không chơi được còn phải về đi làm nữa*”, nam thanh niên đồng ý và hẹn V lên gặp tại khu vực công chợ A, thành phố P, tỉnh G. Vũ Thị Thanh V điều khiển xe mô tô Sirius, biển số 81C1- 153.84 đi lên công chợ A, thành phố P thì nam thanh niên đưa cho V 01 gói ma túy. V nhận gói ma túy cầm trên tay rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà tại thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G. Về đến nhà, V để gói ma túy vào túi quần Jean treo trên móc trong phòng ngủ rồi xuống bếp phụ giúp gia đình nấu ăn.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Đinh Văn L (Sinh năm 2000; trú tại Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G) nhắn tin rủ Vũ Thị Thanh V đi chơi thì V nói xuống nhà V nhận cho vui và L đồng ý. Khoảng 30 phút sau, L cùng anh Nguyễn Mạnh C (Sinh năm 1997; trú tại Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G) đi xe mô tô xuống nhà V. Trong lúc ngồi nhậu, L nhắn tin rủ Nguyễn Thị Th xuống nhà V chơi nên Th đồng ý và rủ Nguyễn Thị N cùng đi. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Thảo mượn xe mô tô của Nguyễn Quốc T (Sinh năm 2001; trú tại thôn CV, xã K, huyện Đ, tỉnh G) đưa cho N điều khiển chở Th xuống nhà V. Trong lúc ngồi uống bia, V nói N vào trong phòng ngủ để nói chuyện và V hỏi N có sử dụng ma túy không. N trả lời có nên V đưa gói ma túy đã cất giấu trước đó nói N cầm và chở Th đi về nhà N trước rồi quay lại chở V lên cùng sử dụng ma túy. N đồng ý và cầm gói ma túy trong tay quay lại uống hết một ly bia rồi xin phép mọi người để cùng Th đi về. Khi đi đến chỗ để xe, N đưa gói ma túy và nói Th cầm hộ để mình chạy xe. Th hỏi N ma túy ở đâu mà có thì N trả lời của chị V đưa. Th không nói gì và cầm gói ma túy trên tay để N điều khiển xe mô tô chở về nhà Nguyễn Quốc T. Nguyễn Thị Th giấu gói ma túy tại bụi cỏ trước cổng nhà T rồi đi vào trong nhà ngồi uống rượu. Tại đây, N gặp chồng mình là Trần Ngọc T (Sinh năm 2000; trú tại

thôn CV, xã K, huyện Đ, tỉnh G) nên rủ Thành xuống nhà V nhậu cho vui và T đồng ý. N lấy xe mô tô biển số 81B1 – 584.63 của gia đình chở theo Th và anh T xuống nhà của V, trước khi đi Th lấy gói ma túy giấu ở bụi cỏ trước đó cầm trên tay. Khi đến trước cổng nhà V thì T đi vào trong sân đứng nói chuyện với L, V cũng gọi N ra nói chuyện riêng. Một lúc sau thì T và L xảy ra cãi vã, xô xát với nhau. Thấy vậy, N đi lại để can ngăn thì V ôm cổ N giữ lại. N nghĩ V ôm cổ để đánh mình nên đã cầm chiếc gộc đang mang đánh V bị thương. Thấy mọi người xô xát với nhau thì Th ném gói ma túy xuống gốc cây ở cổng nhà V rồi đi vào can ngăn. Sau đó, N cùng Th chở T đi lên Trung tâm y tế huyện Đ để cấp cứu. Công an xã K, huyện Đ tiếp nhận thông tin vụ việc nên đã yêu cầu N và Th đến làm việc. Quá trình làm việc với Cơ quan Công an xã K, huyện Đ, Như và Th đã khai báo về gói ma túy do V đưa, đồng thời dẫn Công an xã K đến thu giữ gói ma túy.

Tại Bản kết luận số 237/KL-KTHS ngày 06/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G kết luận: Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 gói nilon trong bì thư ghi “Số 01” niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1198 gam.

2. Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 phong bì công văn được niêm phong có đóng dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G được hoàn trả sau khi lấy mẫu giám định. Xét thấy đây là vật chứng vụ án cần chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G tiếp tục tạm giữ để phục vụ công tác xét xử và xử lý vật chứng.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đen, biển số 81C1 – 153.84 mà Vũ Thị Thanh V sử dụng đi lấy ma túy do mẹ của V là Phan Thị L (Sinh năm 1980; trú tại thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G) làm chủ sở hữu. Bà L không biết việc V sử dụng mô tô trên để đi lấy ma túy về cất giữ nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ đối với chiếc xe 81C1 - 153.84.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 30/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố các bị cáo Vũ Thị Thanh V, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Th về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; Áp dụng thêm điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N và bị cáo Th. Đề nghị xử phạt bị cáo V từ 16 tháng tù đến 18 tháng tù, xử phạt bị cáo N từ 14 tháng tù đến 16 tháng tù, xử phạt bị cáo Th từ 12 tháng tù đến 14 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì niêm phong dạng bì thư công văn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh G. Bì niêm phong có đặc điểm: Mặt trước ghi “01” và có dòng chữ “Số 237/PC09”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng 05 dấu tròn của

Phòng kỹ thuật hình sự, nội dung “Công an tỉnh G * Phòng kỹ thuật hình sự” và các chữ ký, chữ viết của ông Đinh Văn K, ông Bùi Sĩ Th và bà Phan Như H.

Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và xin xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, biên bản phạm tội quả tang và tang vật thu giữ được, đủ cơ sở kết luận: Ngày 25/02/2023, Vũ Thị Thanh V đã xin của đối tượng tên Trục 01 gói ma túy loại Methamphetamine, có trọng lượng 0,1198 gam và mang về nhà tại thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G cất giữ trái phép để sử dụng. Cùng ngày, Vũ Thị Thanh V đã đưa gói ma túy cho Nguyễn Thị N và Như đã đưa cho Nguyễn Thị Th cất giữ. Khi Vũ Thị Thanh V, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị Th chưa sử dụng gói ma túy thì bị phát hiện thu giữ.

Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn. Trong đó, bị cáo V là người phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất khi là người trực tiếp xin ma túy để nhằm mục đích sử dụng và là người rủ bị cáo N cùng sử dụng, đưa ma túy cho N giữ; Bị cáo N khi được bị cáo V rủ cùng sử dụng ma túy thì ngay lập tức đồng ý và giữ ma túy khi bị cáo V đưa cho nên N phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn so với bị cáo V nhưng cao hơn so với bị cáo Th; bị cáo Th tuy không được rủ sử dụng ma túy nhưng khi bị cáo N đưa ma túy nhờ cầm dùm thì bị cáo Th đã đồng ý mặc dù biết rõ đó là ma túy nên bị cáo Th phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình.

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo chẳng những đã vi phạm chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, mà còn gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, là nguyên nhân dẫn đến những hành vi vi phạm pháp luật khác, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương. Hành vi cất giữ trái phép 0,1198gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng của Vũ Thị Thanh V, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị Th đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình

sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị N và bị cáo Nguyễn Thị Th đã tự thú về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Như có ông nội và bị cáo Thảo có ông ngoại được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì, do đó, hai bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo cũng như yêu cầu của công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Xét thấy, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian bằng hình phạt tù có thời hạn mới đủ tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Từ đó để các bị cáo có thời gian lao động, cải tạo để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Mặt khác, các bị cáo còn có con nhỏ, phải chấp hành án phạt tù nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng:

01 (một) bì niêm phong dạng bì thư công văn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh G. Bì niêm phong có đặc điểm: Mặt trước ghi “01” và có dòng chữ “Số 237/PC09”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng 05 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự, nội dung “Công an tỉnh G * Phòng kỹ thuật hình sự” và các chữ ký, chữ viết của ông Đinh Văn K, ông Bùi Sĩ Th và bà Phan Như H, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về các vấn đề khác:

- Đối với nam thanh niên sử dụng facebook tên “*Trực*”: Vũ Thị Thanh V khai nhận chỉ biết người này sống ở khu vực chợ A, thành phố P và cả hai chỉ liên lạc với nhau qua ứng dụng facebook. Ngày 25/02/2023, sau khi trao đổi việc sử dụng ma túy thì V đã xóa đoạn tin nhắn giữa V và người này. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã phối hợp với Công an xã A, thành phố P tiến hành xác minh nhân thân lai lịch của đối tượng. Qua xác minh tại khu vực chợ A và trên địa bàn xã A, thành phố P không phát hiện đối tượng nào tên Trực có sử dụng facebook tên “*Trực*” giống với đặc điểm mà Vũ Thị Thanh V đã khai báo. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh và xử lý khi có căn cứ.

- Đối với bà Phan Thị L là chủ sở hữu của xe mô tô biển số 81C - 153.84 không biết Vũ Thị Thanh V sử dụng xe mô tô đi lấy ma túy về cất giữ tại nhà để sử dụng nên không có cơ sở xử lý.

- Đối với Trần Ngọc T là người đi cùng Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Th đến nhà Vũ Thị Thanh V nhưng Thành không biết việc V, N, Th có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên không có cơ sở để xử lý.

- Đối với Đinh Văn L và Nguyễn Mạnh C tham gia ngồi ăn nhậu tại nhà của Vũ Thị Thanh V nhưng cả hai không biết việc Vũ Thị Thanh V, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Th có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên không có cơ sở để xử lý.

- Đối với Nguyễn Quốc T là người cho Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Th mượn xe mô tô để đi đến nhà của Vũ Thị Thanh V và khi quay về có mang theo gói ma túy. Tuy nhiên, Nguyễn Quốc T không biết việc Vũ Thị Thanh V, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Th có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên không có cơ sở để xử lý.

- Đối với việc xô xát, đánh nhau giữa Đinh Văn L và Trần Ngọc T, giữa Nguyễn Thị N và Vũ Thị Thanh V đã được tách ra để xử lý bằng một vụ việc khác.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Thị Thanh V, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị Th phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; Áp dụng thêm điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Như và bị cáo Thảo.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Thanh V 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì niêm phong dạng bì thư công văn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh G. Bì niêm phong có đặc điểm: Mặt trước ghi “01” và có dòng chữ “Số 237/PC09”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng 05 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự, nội dung “Công an tỉnh G * Phòng kỹ thuật hình sự” và các chữ ký, chữ viết của ông Đinh Văn K, ông Bùi Sĩ Th và bà Phan Như H.

Tình trạng vật chứng như thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/7/2023 giữa Công an huyện Đ, tỉnh G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Vũ Thị Thanh V, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị Th, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/8/2023), các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo; bị hại
- Người TGTG khác
- Lưu HS, AV, VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân H